

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VN
CTY CP ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 778./CPNT2 -TCKT

Nhơn Trạch, ngày 17 tháng 10 năm 2011

Kính gửi : Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)
Ban kiểm soát Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 77/QĐ/HĐTV-ĐLDK ngày 18/01/2008 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam về việc ban hành Quy chế Quản lý vốn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đầu tư vào các doanh nghiệp khác .

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 kính gửi PV Power, Ban kiểm soát Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2011.

Trân Trọng!

TM. NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN GÓP
TCT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
TAI PVPOWER NT2

Nơi nhận :

Như trên
HĐQT, TGD (để b/c);
Ban kiểm soát (để b/c);
Lưu văn thư, TCKT;



Hoàng Xuân Quốc

Đính kèm: BCTC 9 tháng đầu năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		920.628.104.742	1.761.505.805.557
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	45.344.123.234	15.070.108.688
1. Tiền	111		45.344.123.234	15.070.108.688
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		387.300.018.535	1.232.789.078.167
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	387.300.018.535	1.232.789.078.167
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		302.286.513.701	436.628.028.894
1. Phải thu khách hàng	131	7	2.835.704.656	
2. Trả trước cho người bán	132	8	36.971.931.454	345.568.879.085
3. Các khoản phải thu khác	135	7	262.478.877.591	91.059.149.809
IV. Hàng tồn kho	140		175.627.296.367	-
1. Hàng tồn kho	141	9	175.627.296.367	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.070.152.905	77.018.589.808
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	2.151.828
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.855.863.069	73.137.527.850
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	3.628.910.130
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		214.289.836	250.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.916.545.407.682	9.741.255.033.271
I. Tài sản cố định	220		10.875.002.588.609	8.810.786.839.794
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.890.280.917	6.765.642.408
- Nguyên giá	222		10.828.609.481	10.394.640.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.938.328.564)	(3.628.998.270)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	10.869.112.307.692	8.804.021.197.386
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.140.000.000	11.140.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	11.140.000.000	11.140.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.030.402.819.073	919.328.193.477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.030.402.819.073	919.328.193.477
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		12.837.173.512.424	11.502.760.838.828

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.710.767.275.846	8.726.646.205.213
I. Nợ ngắn hạn	310		1.534.194.250.545	1.668.956.916.914
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	553.082.701.890	1.067.363.731.610
2. Phải trả người bán	312		603.427.943.168	589.018.115.546
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	681.645.261	151.187.043
4. Phải trả người lao động	315		2.923.693.750	2.377.699.871
5. Chi phí phải trả	316	15	370.579.846.057	6.585.060.143
6. Các khoản phải trả khác	319		1.642.236.899	551.581.299
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.856.183.520	2.909.541.402
II. Nợ dài hạn	330		9.176.573.025.301	7.057.689.288.299
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	9.171.926.092.108	7.053.042.355.106
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.646.933.193	4.646.933.193
B. NGUỒN VỐN	400		2.126.406.236.578	2.776.114.633.615
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	2.126.406.236.578	2.776.114.633.615
1. Vốn điều lệ	411		2.560.000.000.000	2.560.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		163.455.502.290	163.455.502.290
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(641.396.750.857)	6.541.765.513
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.512.572.631	17.930.478.253
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		24.834.912.514	28.186.887.559
			-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.837.173.512.424	11.502.760.838.828

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/9/2011	31/12/2010
1. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.438.164,87	38.996,29
		199.622,43	147.449,08



Nguyễn Xuân Quốc
 Tổng Giám đốc
 Ngày 15 tháng 10 năm 2011

Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/9/2011

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2011 đến 30/9/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/9/2010
1. Doanh thu hoạt động tài chính	21		27.496.013.928	76.686.867.533
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(24.387.497.068)	(17.067.031.757)
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.108.516.860	59.619.835.776
4. Thu nhập khác	31		-	8.571.600
5. Chi phí khác	32		(1.210.348.869)	-
6. Lợi nhuận khác	40		(1.210.348.869)	8.571.600
7. Lợi nhuận trước thuế	50		1.898.167.991	59.628.407.376
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	(474.541.998)	(14.908.081.844)
9. Lợi nhuận sau thuế	60		1.423.625.993	44.720.325.532



Hoàng Văn Quốc
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2011

Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/9/2011

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011 đến 30/9/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/9/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.898.167.991	59.628.407.376
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	928.216.087	903.494.637
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(27.496.013.928)	(76.686.867.533)
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(24.669.629.850)	(16.154.965.520)
Tăng các khoản phải thu	09	(106.477.152.289)	(4.173.486.037)
Tăng hàng tồn kho	10	(175.627.296.367)	-
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	365.275.141.778	(191.730.032)
Tăng chi phí trả trước	12	(104.150.419.633)	(177.940.746.603)
Tiền lãi vay đã trả	13	(129.689.317.005)	(86.554.168.676)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(823.572.029)	(31.117.116.442)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.927.421.478)	(4.791.620.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(179.089.666.873)	(320.923.834.005)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(1.683.643.246.750)	(3.806.496.407.970)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	777.115.181.040
3. Tiền thu hồi từ đầu tư	26	893.259.443.409	-
4. Thu lãi tiền gửi	27	26.427.592.223	70.711.363.671
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(763.956.211.118)	(2.958.669.863.259)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.147.346.999.787	4.389.636.861.248
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.173.039.810.630)	(2.161.633.138.366)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	974.307.189.157	2.228.003.722.882
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	31.261.311.166	(1.051.589.974.382)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	15.070.108.688	1.218.594.514.950

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(987.296.620)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	45.344.123.234	167.004.540.568



Hoàng Xuân Quốc
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 10 năm 2011

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 18 tháng 5 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 là 162 người.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Bán buôn thiết bị, vật tư, phụ tùng để sản xuất kinh doanh điện; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện; Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện.

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản dự án Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải	6 – 8
Thiết bị văn phòng	3 – 5

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài, chi phí bảo trì bảo dưỡng và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị nhà máy điện và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản phí kể trên được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay và hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký kết.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong giai đoạn xây dựng cơ bản, được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong phần "Vốn chủ sở hữu". Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, riêng phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 5 năm.

Tại ngày 30/09/2011 các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỉ giá USD bình quân liên ngân hàng : 20.628 VNĐ/USD (tại ngày 30/06/2011 là 20.618VNĐ/USD) và tỉ giá EURO bán ra của Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 28.274 VNĐ/EURO (tại ngày 30/06/2011 là 30.120 VNĐ/EURO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/9/2011 <u>VNĐ</u>	31/12/2010 <u>VNĐ</u>
Tiền mặt	115.341.385	164.072.370
Tiền gửi ngân hàng	<u>45.228.781.849</u>	<u>14.906.036.318</u>
	<u>45.344.123.234</u>	<u>15.070.108.688</u>

Tiền gửi ngân hàng bao gồm 9.918.192.325 VNĐ và 1.438.164,87 USD, 199.622,43 EURO

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/9/2011 <u>VNĐ</u>	31/12/2010 <u>VNĐ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	337.300.018.535	163.131.078.167
Ủy thác quản lý vốn	<u>50.000.000.000</u>	<u>1.069.658.000.000</u>
	<u>387.300.018.535</u>	<u>1.232.789.078.167</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản ủy thác quản lý vốn tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng bằng đồng Việt Nam.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ PHẢI THU KHÁC

Phải thu khách hàng thể hiện khoản phải thu tiền điện cung cấp cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam tính đến thời điểm 30 tháng 9 năm 2011 theo hợp đồng bán điện áp dụng cho giai đoạn chạy thử và vận hành thương mại chu trình đơn số 02/PVNT2-EVN-2011 ngày 13 tháng 4 năm 2011.

Đối với phần tiền điện đã xuất hóa đơn cho các khách hàng sẽ được ghi nhận trên tài khoản Phải thu khách hàng và phần tiền điện chưa đến thời điểm xuất hóa đơn theo quy định của hợp đồng sẽ được tạm thời ghi nhận trên tài khoản Phải thu khác và được kết chuyển sang tài khoản Phải thu khách hàng vào kỳ kế toán tiếp theo ngay khi hóa đơn được phát hành.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán bao gồm các khoản tạm ứng cho nhà thầu để thực hiện các công việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và các công việc theo sơ đồ đường găng của Công trình dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

	30/9/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ban Điều hành Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	27.829.055.231	40.120.000.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt nam	6.017.670.000	299.889.791.684
Khác	3.125.206.223	5.559.087.401
	<u>36.971.931.454</u>	<u>345.568.879.085</u>

9. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho chủ yếu tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 thể hiện giá trị dầu DO được nhập kho và dùng trong quá trình chạy thử để nghiệm thu Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

	30/9/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Dầu DO	175.621.006.367	-
Công cụ dụng cụ	6.290.000	-
	<u>175.627.296.367</u>	<u>-</u>

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	9.086.014.445	1.308.626.233	10.394.640.678
Tăng	-	433.968.803	433.968.803
Tại ngày 30/9/2011	<u>9.086.014.445</u>	<u>1.742.595.036</u>	<u>10.828.609.481</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	(2.721.658.890)	(907.339.380)	(3.628.998.270)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Khấu hao trong kỳ	(1.104.722.811)	(204.607.483)	(1.309.330.294)
Tại ngày 30/9/2011	(3.826.381.701)	(1.111.946.863)	(4.938.328.564)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/9/2011	5.259.632.744	630.648.173	5.890.280.917
Tại ngày 01/01/2011	6.364.355.555	401.286.853	6.765.642.408

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	8.804.021.197.386	1.838.792.742.641
Tăng	2.065.091.110.306	6.965.228.454.745
Tại ngày 30 tháng 9/ 31 tháng 12	10.869.112.307.692	8.804.021.197.386

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đi vay được vốn hóa và các khoản chi phí phát sinh cho việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và thực hiện công việc theo sơ đồ đường găng dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đạt được công suất 750MV.

Theo nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 ngày 18 tháng 03 năm 2011 của Hội Đồng Quản Trị Công ty, chênh lệch giữa doanh thu tiền điện và các chi phí bán điện phát sinh trước ngày cấp PAC (Chứng chỉ chấp nhận tạm thời) cho chu trình hỗn hợp Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 được ghi nhận tăng/giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tính đến 30 tháng 9 năm 2011 Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng (Năm 2010: 11.140.000.000 đồng), tương đương với 1.114.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), chiếm 13,92% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco").

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng giá thị trường của các khoản đầu tư này cao hơn giá gốc, vì thế không cần thiết phải lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	919.328.193.477	14.431.091
Tăng	165.068.051.292	921.083.963.023
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(53.993.425.696)	(1.770.200.637)
Tại ngày 30 tháng 9 / 31 tháng 12	1.030.402.819.073	919.328.193.477

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí:

- Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ.
- Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo hợp đồng bảo trì công trình dài hạn số VIT1000 NT2 2009-11-03 giữa Công ty và Siemens AG; Siemens Ltd. Vietnam cho công tác bảo trì máy móc thiết bị chính cho Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

năm hoặc 100.000 EOH. Phí huy động, phí cố định và phí biến đổi được thanh toán trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại.

- Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc: Các chi phí đi vay liên quan đến công tác thanh toán hợp đồng bảo trì công trình dài hạn số VIT1000 NT2 2009-11-03 giữa Công ty và Siemens AG; Siemens Ltd. Vietnam. Chi phí đi vay phát sinh trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và không thuộc chi phí đầu tư dự án.

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/9/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	-	1.046.600.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	553.082.701.890	20.763.731.610
	<u>553.082.701.890</u>	<u>1.067.363.731.610</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 chủ yếu là khoản công nợ phải trả cho nguyên liệu khí dùng trong quá trình chạy thử để nghiệm thu Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 với số tiền là 226.909.983.101 đồng, chi phí bảo trì bảo dưỡng dài hạn Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 với số tiền là 36.786.489.996 đồng Theo hợp đồng bảo trì công trình dài hạn số VIT1000 NT2 2009-11-03 giữa Công ty và Siemens AG; Siemens Ltd. Vietnam cho công tác bảo trì máy móc thiết bị chính cho Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 EOH.. Ngoài ra, chi phí phải trả tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 còn bao gồm số tiền lãi vay trích trước là 98.970.334.441 đồng và khoản phí bảo lãnh chính phủ cho khoản vay tín dụng xuất khẩu (7.887.935.519 đồng).

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/9/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	122.430.024	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	374.081.066	-
Thuế thu nhập cá nhân	185.134.171	151.187.043
	<u>681.645.261</u>	<u>151.187.043</u>

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/9/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay dài hạn	9.725.008.793.998	7.073.806.086.716
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	<u>(553.082.701.890)</u>	<u>(20.763.731.610)</u>
	<u>9.171.926.092.108</u>	<u>7.053.042.355.106</u>

Tại ngày 15 tháng 3 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 10.000.000 Euro với thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ hàng quý trong vòng 10 kỳ thanh toán. Lần trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

tháng 12 năm 2011. Khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất 5,33%/năm và sẽ được điều chỉnh 6 tháng 1 lần bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Techcombank HCM tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm. Tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2011, Công ty đã rút 8.301.417,52 Euro.

Vào ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010 Công ty đã ký các hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu được bảo hiểm HERMES, NEXI với Citibank là ngân hàng đầu mối thu xếp với tổng hạn mức vay là 215.380.981 Đô la Mỹ và 202.585.883 Euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Các khoản vay này có thời gian ân hạn đến ngày 1 tháng 12 năm 2011. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 1 tháng 6 năm 2012.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 02/2011/HĐTD-THĐ hạn mức 600.000.000.000 VNĐ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – CN Hà Nội, thời gian cho vay chậm nhất đến ngày 24/01/2023. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietin Bank) cộng (+) biên độ 3,15%/năm, nếu lãi suất cho vay thấp hơn lãi suất sàn lãi suất cho vay dài hạn của Vietin Bank công bố chính thức bằng văn bản tại thời điểm tương ứng thì lãi suất áp dụng là sàn lãi suất cho vay dài hạn của Vietin Bank được công bố chính thức bằng văn bản tại thời điểm đó. Tại 30/09/2011 dư nợ gốc là 43.403.261.902 VNĐ

Tại ngày 20/02/2011 Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 01/2011/HĐTD-THĐ hạn mức 200.000.000.000 VNĐ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – CN Hà Nội, thời gian cho vay tối đa là 144 tháng kể từ thời điểm Bên vay nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietin Bank) cộng (+) biên độ 2,9 %/năm. Tại ngày 30/09/2011 số dư nợ gốc là 199.979.699.745 VNĐ.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/9/2011		31/12/2010	
	Số cổ phần	VNĐ	Số cổ phần	VNĐ
Cổ phần được phép phát hành	256.000.000	2.560.000.000.000	256.000.000	2.560.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	256.000.000	2.560.000.000.000	256.000.000	2.560.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2010	Vốn đã góp tại ngày 30/9/2011
	VNĐ	%	VNĐ	VNĐ
Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.326.061.500.000	51,8	1.326.061.500.000	1.607.661.500.000
Tổng công ty Tài chính Cổ Phần Dầu khí Việt Nam	281.600.000.000	11	281.600.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	256.000.000.000	10	256.000.000.000	256.000.000.000
Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	128.000.000.000	5	128.000.000.000	128.000.000.000
Tập đoàn Than Khoáng Sản Việt Nam	128.000.000.000	5	128.000.000.000	128.000.000.000
Công ty ElectricPower Development (J- Power - Nhật Bản)	128.000.000.000	5	128.000.000.000	128.000.000.000
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam	64.000.000.000	2,5	64.000.000.000	64.000.000.000
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	64.000.000.000	2,5	64.000.000.000	64.000.000.000
Các cổ đông khác	184.338.500.000	7,2	184.338.500.000	184.338.500.000
	2.560.000.000.000	100	2.560.000.000.000	2.560.000.000.000

Theo Quyết định số 98/QĐ/HĐTV-ĐLDK ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 cho Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam với số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng là 28.160.000 cổ phần tương ứng với 11% Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:**

	Vốn điều lệ VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2010	2.560.000.000.000	-	123.934.916.030	11.140.000.000	175.499.315.320	2.870.574.231.350
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(117.393.150.517)	-	-	(117.393.150.517)
Phân bổ từ lợi nhuận	-	163.455.502.290	-	6.790.478.253	(178.954.315.320)	(8.708.334.777)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	31.641.887.559	31.641.887.559
Số dư tại ngày 31/12/2010	2.560.000.000.000	163.455.502.290	6.541.765.513	17.930.478.253	28.186.887.559	2.776.114.633.615
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(647.938.516.370)	-	-	(647.938.516.370)
Phân bổ từ lợi nhuận	-	-	-	1.582.094.378	(4.775.601.038)	(3.193.506.660)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.423.625.993	1.423.625.993
Số dư tại ngày 30/9/2011	2.560.000.000.000	163.455.502.290	(641.396.750.857)	19.512.572.631	24.834.912.514	2.126.406.236.578

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/9/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/9/2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	1.898.167.991	59.628.407.376
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	3.920.000
Thu nhập chịu thuế	1.898.167.991	59.632.327.376
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	474.541.998	14.908.081.844
Giảm trừ thuế	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	474.541.998	14.908.081.844

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 25% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo quy định hiện hành.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.



Huỳnh Văn Quốc
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2011

Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ TIỀN MẶT
(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, 0h 00" ngày 01 tháng 10 năm 2011.

Chúng tôi gồm:

Số:

Ông: Hoàng Xuân Quốc Chức vụ Tổng giám đốc
Ông: Nguyễn Hữu Minh Chức vụ Kế toán trưởng
Ông: Võ Minh Toàn Chức vụ Kế toán thanh toán
Bà : Phan Thị Quỳnh Chức vụ Thủ quỹ

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2011 kết quả như sau:

Stt	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền	
A	B	1	2	
I	Số dư theo sổ quỹ:		115,341,385	
II	Số kiểm kê thực tế:		115,341,400	
	<i>Trong đó:</i>			
1	- Loại	500,000	106	53,000,000
2	- Loại	200,000	303	60,600,000
3	- Loại	100,000	4	400,000
4	- Loại	50,000	9	450,000
5	- Loại	20,000	4	80,000
6	- Loại	10,000	51	510,000
7	- Loại	5,000	57	285,000
8	- Loại	2,000	3	6,000
9	- Loại	1,000	9	9,000
10	- Loại	500	2	1,000
11	- Loại	200	2	400
III	Chênh lệch			15

- Lý do: + Thừa: 15 (đồng)

+ Thiếu: 0 (đồng)

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: Do mệnh giá tiền VNĐ nhỏ nhất là 100 (đ) nên có số chênh lệch là 15 (đ).

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

**Người chịu trách
nhiệm kiểm kê quỹ**


(ký, họ tên)

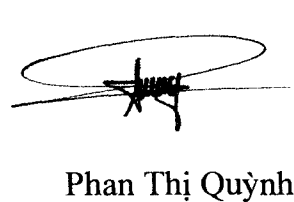
(ký, họ tên)

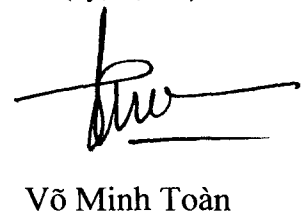
(ký, họ tên)

(ký, họ tên)


Hoàng Xuân Quốc


Nguyễn Hữu Minh


Phan Thị Quỳnh


Võ Minh Toàn

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH
9 Tháng đầu năm 2011

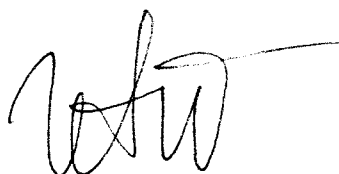
Chi tiêu	Phải nộp tại đầu năm	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này		Phải nộp tại cuối kỳ
		Số phát sinh phải nộp	Số đã nộp	
C1	C2	C3	C4	C5=2+3-4
Thuế	-3,477,723,087	105,274,280,386	101,114,912,038	681,645,261
Thuế GTGT hàng bán nội địa	0	70,129,337,582	70,006,907,558	122,430,024
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	14,159,689,809	14,159,689,809	0
Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0
Thuế xuất, nhập khẩu	0	8,188,624,800	8,188,624,800	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-3,628,910,130	4,826,563,225	823,572,029	374,081,066
Thuế thu nhập cá nhân	151,187,043	2,263,325,374	2,229,378,246	185,134,171
Thuế tài nguyên	0	0	0	0
Thuế nhà đất	0	0	0	0
Thuế môn bài	0	4,000,000	4,000,000	0
Thu trên vốn	0	0	0	0
Các loại thuế khác	0	5,702,739,596	5,702,739,596	0
Các khoản phải nộp khác	0	0	0	0
Các khoản phụ thu	0	0	0	0
Các khoản phí, lệ phí	0	0	0	0
Thu điều tiết	0	0	0	0
Các khoản nộp phạt	0	0	0	0
Các khoản khác	0	0	0	0
Tổng cộng	-3,477,723,087	105,274,280,386	101,114,912,038	681,645,261

Lưu ý:

- Biểu này không bao gồm chi tiêu 152 - Thuế GTGT được khấu trừ trên bảng cân đối kế toán.

Hồng Xuân Quốc, ngày 15 tháng 10 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Văn Tú

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Minh

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

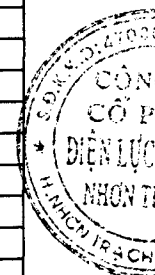


Hoàng Xuân Quốc

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)
 Công ty cổ phần điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

BẢNG KIỂM KÊ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN
 Tại ngày 30/09/2011

Stt	Khoản mục	Ngân hàng	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Loại nguyên tệ	Nguyên tệ theo thông báo số dư của ngân hàng	Nguyên tệ theo sổ sách	Quy đổi ra VND theo sổ sách	Chênh lệch nguyên tệ thừa (+) thiếu (-)	Ghi chú
C1	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11=8-9	C11
1	TGNH - Tiền Việt Nam	Techcombank			VND	8,066,901,906	8,066,901,906	8,066,901,906	0	
2	TGNH - Tiền Việt Nam	Vietinbank			VND	760,420,500	760,420,500	360,355,896	0	
3	TGNH - Tiền Việt Nam	Oceanbank-CN Sài Gòn			VND	9,700,265	9,700,265	9,700,265	0	
4	TGNH - Tiền Việt Nam	Oceanbank-PGD Q7			VND	81,963,898	81,963,898	81,963,898	0	
5	TGNH - Tiền Việt Nam	Credit Agricole CIB			VND	4,994,992	4,994,992	4,944,992	0	
6	TGNH - Tiền Việt Nam	Citibank			VND	7,333,222	7,333,222	7,333,222	0	
7	TGNH - Tiền Việt Nam	HDBank			VND	1,386,992,146	1,386,992,146	1,386,992,146	0	
	Cộng							9,918,192,325		
8	TGNH - Ngoại tệ	Techcombank			USD	53,164.87	53,164.87	1,096,684,938	0	
9	TGNH - Ngoại tệ	Techcombank			EUR	199,622.43	199,622.43	5,644,124,586	0	
10	TGNH - Ngoại tệ	Citibank			USD	1,385,000.00	1,385,000.00	28,569,780,000	0	
	Cộng							35,310,589,524		
	Cộng TGNH							45,228,781,849		
11	Tương đương tiền									
12	Tương đương tiền									
	Cộng TĐT							0		
13	Ủy thác quản lý vốn	PVFC	06/08/2011	12/09/2011	VND	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000	0	
14	Ủy thác quản lý vốn	PVFC	03/24/2011	08/09/2011	VND	35,000,000,000	35,000,000,000	35,000,000,000	0	
	Cộng UTQLV							50,000,000,000		
15	Tiền gửi có kỳ hạn	Techcombank	220911-1	22/09/2011	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000	0	
16	Tiền gửi có kỳ hạn	Techcombank	208/TTTG	08/08/2011	VND	17,300,018,535	17,300,018,535	17,300,018,535	0	
17	Tiền gửi có kỳ hạn	HDBanK	07092011	07/09/2011	VND	80,000,000,000	80,000,000,000	80,000,000,000	0	
18	Tiền gửi có kỳ hạn	HDBanK	15082011	15/08/2011	VND	70,000,000,000	70,000,000,000	70,000,000,000	0	
19	Tiền gửi có kỳ hạn	HDBanK	27092011	27/09/2011	VND	70,000,000,000	70,000,000,000	70,000,000,000	0	
	Cộng TGCKH							337,300,018,535		
	Tổng cộng							432,528,800,384		



Lưu ý:

- Tương đương tiền trong biểu này được hiểu là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng trở xuống;
- Tiền gửi có kỳ hạn trong biểu này được hiểu là tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm;
- Tất cả số phụ ngân hàng ngày giao dịch cuối cùng của quý hoặc thông báo số dư của ngân hàng được phô tô trên khổ giấy A4 và kèm theo biểu này.
- Số thứ tự trên cột C1 - Stt sẽ được đánh vào góc trên bên phải tờ thông báo số dư của ngân hàng để kiểm tra được thuận lợi.

Đồng Nai, ngày *15* tháng *10* năm *2011*

NGƯỜI LẬP BIỂU

Tạ Thị Quỳnh Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Minh

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Hoàng Xuân Quốc



10/10/2011

1, 8, 9
15, 16

Kính gửi : Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2
Áp 3, xã Phước Khánh, Nhơn Trạch Đồng Nai
Điện thoại: 0612 225 893 Fax: 0612 225 897

XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN
Tính đến hết ngày 30/09/2011

Nhằm phục vụ cho công tác đối chiếu số liệu lập báo cáo tài chính quý 2 năm 2011. Chúng tôi xác nhận giao dịch giữa Quý Công ty và Ngân hàng chúng tôi như sau:

1. Tài khoản tiền gửi thanh toán

Số tài khoản	Loại tiền	Số dư
102 20849277 012	VND	8,066,901,906
102 20849277 020	USD	53,164.87
102 20849277 047	EUR	199,622.43

2. Hợp đồng tiền gửi

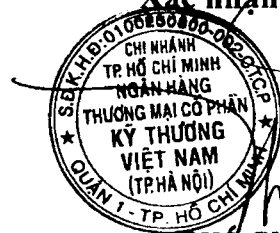
	Loại tiền	Số tiền gốc	Lãi suất áp dụng	Lãi tạm tính đến 30/06/2011
220911-1/NT2-TCB	VND	100,000,000,000	14.00%	350,000,000
208/TTTG	VND	17,300,018,535	11,35%	294,532,816

3. Khế ước nhận nợ

Số khế ước: 2260/HĐTD/TH-PN/TCB HCM
Số tiền gốc: 8,301,417.52 EUR
Lãi suất áp dụng: 4.68% Từ ngày 01/09/2011 là 4.54%
Dư nợ: 8,301,417.52 EUR
Gốc đã trả trong kỳ: Không
Lãi đã trả trong kỳ: 98,560.32 EUR (cho giai đoạn 15/06/2011 đến 15/09/2011).
Lãi tạm tính còn phải trả đến hết 30/09/2011: 16,750.42 EUR

Ngày 08 tháng 10 năm 2011

Xác nhận



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Chi Hoàng Yến

2)

Ước: Dương Hòa

**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN
CHI NHÁNH TP HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1286 / CV-CNTPHN-03
V/v Xác nhận số dư quý 3 năm 2011

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2011

**CTY CP-ĐL-DK NHƠN TRẠCH 2
CÔNG VĂN ĐẾN**
Số: 3149 Ngày 05 tháng 10 năm 2011

Người: Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2

TCT
14/10
05.10.11

Phúc đáp công văn số 719/CPNT2-TCKT ngày 30/09/2011 về việc xác nhận số dư quý 3 năm 2011 của Quý Công ty, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hà Nội (Vietinbank Hà Nội) xác nhận số dư tài khoản tính đến hết ngày 30/09/2011 của Quý Công ty tại Vietinbank Hà Nội như sau:

1. Tài khoản tiền gửi thanh toán

Số tài khoản	Loại tiền	Số dư
102010001177936	VND	360.355.896 VND ✓

2. Tài khoản tiền vay

2.1. Hợp đồng tín dụng số: 01/2011/HĐTD-THĐ ngày 20/01/2011

- Số tiền: 200.000.000.000 VND
- Lãi suất áp dụng: bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 (mười hai) tháng trả lãi sau của Vietinbank Hà Nội cộng (+) Biên độ 2,9%/năm
- Dư nợ: 199.979.699.745 VND
- Gốc đã trả trong kỳ: 0
- Lũy kế gốc đã trả: 0
- Lãi đã trả trong kỳ: 11.988.972.451 VND
- Lãi tạm tính đến hết 30/09/2011: 9.012.418.469 VND

Chi tiết các Giấy nhận nợ như sau:

DVT: đồng

Số GNN	Ngày nhận nợ	Số tài khoản	Số tiền	Lãi suất áp dụng	Dư nợ đến 30/09/2011
01	24/01/2011	216110000031478	103.974.996.943	16.9%/năm	103.974.996.943
02	26/01/2011	216110000031577	20.000.000.000	16.9%/năm	20.000.000.000
03	14/02/2011	216110000031935	1.975.759.500	16.9%/năm	1.975.759.500
04	21/03/2011	216110000032297	21.281.217.973	16.9%/năm	21.281.217.973
05	28/03/2011	216110000032365	52.747.725.329	16.9%/năm	52.747.725.329
Cộng			199.979.699.745		199.979.699.745



2.2. Hợp đồng tín dụng số: 02/2011/HĐTD-TTHĐ ngày 31/03/2011

- Số tiền: 600.000.000.000 VND
- Lãi suất áp dụng: bằng Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 (mười hai) tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam cộng (+) Biên độ 3,15%/năm. Nếu lãi suất cho vay thấp hơn lãi suất sàn lãi suất cho vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được công bố chính thức bằng văn bản tại thời điểm tương ứng thì lãi suất áp dụng là sàn lãi suất cho vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được công bố chính thức bằng văn bản tại thời điểm đó.
- Dư nợ: 43.403.261.902 VND
- Gốc đã trả trong kỳ: 0
- Lũy kế gốc đã trả: 0
- Lãi đã trả trong kỳ: 733.775.622 VND
- Lãi tạm tính đến hết 30/09/2011: 2.430.582.667 VND

Chi tiết các Giấy nhận nợ như sau:

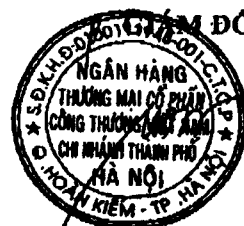
DVT: đồng

Số GNN	Ngày nhận nợ	Số tài khoản	Số tiền	Lãi suất áp dụng	Dư nợ đến 30/09/2011
01	17/05/2011	219110000030351	30.680.513.829	21.0%/năm	30.680.513.829
02	27/06/2011	219110000031156	12.722.748.073	21.0%/năm	12.722.748.073
Cộng			43.403.261.902		43.403.261.902

2.3. Tổng dư nợ của cả 2 hợp đồng trên tính đến hết 30/09/2011: 243.382.961.647 VND

Nơi nhận:

Như đề gửi;
Lưu KH2, VT



Lê Như Hoa



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

Kính gửi : Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2
Áp 3, xã Phước Khánh, Nhơn Trạch Đồng Nai
Điện thoại: 0612 225 893 Fax: 0612 225 897

XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN
Tại ngày 30/09/2011

Nhằm phục vụ cho công tác đối chiếu số liệu lập báo cáo tài chính quý III năm 2011. Chúng tôi xác nhận giao dịch giữa Quý Công ty và Ngân hàng chúng tôi như sau:

1. Tài khoản tiền gửi thanh toán

Số tài khoản	Loại tiền	Số dư
70070017712089999	VND	9.700.265
70470017712077777	VND	81.963.898
70070017712088888	USD	0
70070017712066666	EUR	0

2. Hợp đồng tiền gửi

Số hợp đồng	Loại tiền	Số tiền gốc	Lãi suất áp dụng	Lãi tạm tính đến 30/09/2011

3. Khế ước nhận nợ

Số khế ước : Hiện nay công ty không còn dư nợ tại oceanbank – CN Sài Gòn, cụ thể:
Số tiền gốc : 0 VNĐ
Lãi suất áp dụng : 18.5 %/năm
Dư nợ : 0 VNĐ
Gốc đã trả trong kỳ : 0 VNĐ
Lũy kế gốc đã trả : 0 VNĐ
Lãi đã trả trong kỳ : 0 VNĐ
Lãi tạm tính đến 30/09/2011: 0 VNĐ

TP.HCM, Ngày 30 tháng 09 năm 2011
Xác nhận

hhu

Central Control No. :	No. of Pages (total) : 01
Ref. :	Date: Monday, 03 October 2011

To: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2** Fax : 0612 225 897 /
 Ấp 3, Xã Phước Khánh
 Nhơn Trạch, Đồng Nai
 Attn: Hoàng Xuân Quốc Tel : 0612 225 893
 From: Payment and Receipt Department Fax : (848) 3829 6065
 Tel : (848) 3829 5048

Re: Balance confirmation of PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JSC as of 30/09/2011

CONFIDENTIAL NOTE: The information contained in this facsimile transmission is intended only for the use of the individual or entity named below and may contain information that is privileged, confidential and exempt from disclosure under applicable law. If the reader of this message is not the intended recipient, you are hereby notified that any dissemination, distribution or copying of this communication is strictly prohibited. If you have received this message in error, please immediately notify us by telephone and return the original message to us at the above address via the applicable public or national postal service.

At your request, we furnish the following information as per our records, as at the close of business on 30 September 2011:

1. Current accounts

A/C No	Currency	Balances as at 30/09/2011
02.000115.150.010	USD	NIL
02.000115.150.020	VND	VND4,944,992(Credit) *
02.000115.150.030	EUR	NIL

2. Deposit account: None
 3. Loan: None

This information is given in strictest confidence, for the purpose of your audit, without any responsibility for error or omission on the part of this Bank, its employees, agents or informants.

Yours faithfully,


NGUYEN THUC DIEU
 Head of Payment and Receipt


TRAN NGOC LIEN
 Country Operations Manager



Handwritten notes:
 TCV
 10/10/11
 07.10.11

6,10

Ho Chi Minh City Branch
115 Nguyen Hue Blvd., District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam
T +84 8 3824 2118
F +84 8 3824 2267



HCMC, 03/Oct/2011

To:
PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JSC
HAMLET 3, PHUOC KHANH WARD
NHON TRACH DIST , DONG NAI PROVINCE
VIETNAM

Dear Mr/Ms,

To facilitate your audit purpose and in accordance with the bank confirmation request sent by:
PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY
We, Citibank N.A HCMC branch, would like to confirm the bank account information as of 30/SEP/2011
with details as follows:

ACCOUNT BALANCES

Account name	Account no.	CCY	Balance
PETROVN POWER NHON TRACH II-USD CA	0302275009	USD	1,385,000.00
PETROVN POWER NHON TRACH II-VND CA	0302275017	VND	7,333,222.00
PETROVN POWER NHON TRACH II-EUR CA	0302275025	EUR	0.00

OTHERS: NIL

Yours Truly,

Tran Phong
Senior Branch Operations Officer, SVP

Handwritten notes on the right margin: 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100

HDBank

Cam kết lợi ích cao nhất

ĐƠN VỊ: CN CỘNG HÒA

Số: 229/2011/TB - CN05

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc
★

7, 17
18
19

XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TẠI NGÀY 30/09/2011

Kính gửi: Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, Nhơn Trạch, Đồng Nai

Điện thoại: 0612 225 893

Fax: 0612 225 897

Căn cứ vào yêu cầu đối chiếu số liệu lập báo cáo tài chính quý 3 năm 2011 của Công ty CP Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2. HDBank Cộng Hòa xác nhận giao dịch giữa Quý Công Ty với HDBank Cộng Hòa như sau:

1. Tài khoản tiền gửi thanh toán

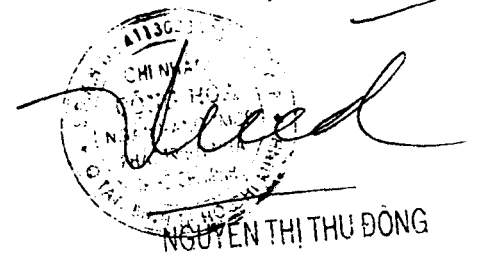
Số Tài khoản	Loại tiền	Số dư
006704070001112	VND	1.386.992.146 ✓

2. Hợp đồng tiền gửi:

STT	NGÀY GỬI	NGÀY ĐÁO HẠN	LOẠI TIỀN	LÃI SUẤT	SỐ DƯ TIỀN GỬI	LÃI DỰ CHI
1	07/09/2011	07/10/2011	VND	14.00%	80,000,000,000	736,438,356
2	27/09/2011	27/10/2011	VND	14.00%	70,000,000,000	107,397,260
3	15/08/2011	17/10/2011	VND	14.00%	70,000,000,000	1,261,917,808
TỔNG CỘNG					220,000,000,000	2,105,753,425

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Xác nhận


NGUYỄN THỊ THU ĐỒNG

Kính gửi : Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2
Áp 3, xã Phước Khánh, Nhơn Trạch Đồng Nai
Điện thoại: 0612 225 893 Fax: 0612 225 897

XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN
Tại ngày 30/09/2011

Nhằm phục vụ cho công tác đối chiếu số liệu lập báo cáo tài chính quý 3 năm 2011. Chúng tôi xác nhận giao dịch giữa Quý Công ty và Ngân hàng chúng tôi như sau:

1. Tài khoản tiền gửi thanh toán

Số tài khoản	Loại tiền	Số dư
	VND	
	USD	
	EUR	

2. Hợp đồng tiền gửi / HĐ UTGLV

Số hợp đồng	Loại tiền	Số tiền gốc	Lãi suất áp dụng	Lãi tạm tính đến 30/09/2011
01/08/2011 VNĐ 30.000.000.000	VND	15.000.000.000	14%/N	110.833.333
03/24/2011 VNĐ 20.000.000.000	VND	35.000.000.000	14%/N	313.050.556
TỔNG	VND	50.000.000.000	-	423.883.889

3. Khế ước nhận nợ

Số khế ước:

Số tiền gốc:

Lãi suất áp dụng:

Dư nợ:

Gốc đã trả trong kỳ:

Lãi đã trả trong kỳ:

Lãi tạm tính đến 30/09/2011:

Ngày 23 tháng 10 năm 2011



Nguyễn Thị Phương Lan